NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (HSX: VPB)

Analyst Meeting: Cập nhật KQKD Q2/2026 & Triển vọng nửa cuối năm 2026

Tóm tắt KQKD Q2/26: Lợi nhuận tăng trưởng vượt trội nhờ tăng trưởng tín dụng dẫn dắt và hệ sinh thái đa dạng

(Đơn vị: tỷ đồng)	Q2/26	Q2/25	% svck	Kế hoạch 2026	% hoàn thành KH
Thu nhập lãi thuần	17,974	13,479	33.3%		
Thu nhập ngoài lãi	5,510	3,056	80.3%		
Tổng thu nhập hoạt động	23,484	16,535	42.0%		
Chi phí hoạt động	(4,614)	(4,404)	4.8%		
LN trước dự phòng	18,870	12,130	55.6%		
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(7,910)	(5,916)	33.7%		
LN trước thuế	10,959	6,215	76.3%	41,323	45.7%
LN ròng	8,385	4,862	72.4%		
Tăng trưởng tín dụng	23.2%	18.6%	4.6%	34%	
Tăng trưởng huy động	22.7%	23.8%	-1.1%	40%	
NIM	5.1%	5.3%	-0.2%		
CIR	19.6%	26.6%	-7.0%		
CASA	12.8%	13.9%	-1.2%		
NPL hợp nhất (*)	2.8%	3.3%	-0.5%		
NPL riêng lẻ (*)	2.0%	2.3%	-0.3%	< 2.5%	
LLR	56.2%	52.2%	4.0%		
ROE	18.3%	12.4%	5.9%		
ROA	2.3%	1.8%	0.5%		

(*) Theo tính toán của ngân hàng

Nguồn: VPB, MBS Research

Thông tin cổ phiếu	
Giá hiện tại (VND)	24,350
Cao nhất 52 tuần (VND)	38,000
Thấp nhất 52 tuần (VND)	23,200
Vốn hóa (Tỷ VND)	193,191
P/E (TTM)	6.48
P/B	1.08
Tỷ suất cổ tức (%)	0.00

Cơ cấu sở hữu	
SMBC	15.00%
Ngô Chí Dũng và gia đình	14.04%
Lô Bằng Giang và gia đình	6.28%
Bùi Hải Quân và gia đình	6.09%
CTCP Diera Corp	4.40%
Nguyễn Đức Vinh và gia đình	2.22%
Khác	51.97%

Nguồn: https://s24.mbs.com.vn/

- KQKD hợp nhất Q2/26 của VPB ghi nhận mức tăng trưởng nổi bật, với LNTT hợp nhất đạt 10,959 tỷ đồng, tăng 76% svck. Lũy kế 6T26, LNTT hợp nhất đạt 18,880 tỷ đồng, tăng 68% svck và hoàn thành khoảng 46% kế hoạch năm. Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt khoảng 43 nghìn tỷ đồng, tăng 35% svck, phản ánh tốc độ mở rộng quy mô nhanh và đóng góp rõ nét hơn từ hệ sinh thái tài chính của VPB.
- Động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng mạnh, khi dư nợ khách hàng hợp nhất cuối Q2/26 vượt 1.1 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 23% so với đầu năm, cao hơn đáng kể so với toàn ngành. Tăng trưởng chủ yếu được dẫn dắt bởi khách hàng doanh nghiệp và SME, lần lượt tăng khoảng 32% và 19% YTD, tập trung vào sản xuất kinh doanh, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khoa học công nghệ, tài chính xanh và một số dự án bất động sản tại các đô thị lớn. Mảng bán lẻ tăng chậm hơn, khoảng 13% YTD, nhưng vẫn tích cực hơn trung bình ngành, với động lực từ cho vay ô tô, sản xuất kinh doanh và tín chấp, trong khi đó cho vay mua nhà tăng trưởng thấp hơn do thanh khoản thị trường BĐS chậm lại.
- NIM Q2/26 của ngân hàng riêng lẻ giảm so với cuối năm 2025 do chi phí vốn tăng trong bối cảnh lãi suất huy động thị trường 1 neo cao và chi phí swap từ

nguồn vốn quốc tế vẫn lớn, tuy nhiên cải thiện hơn 24 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

- Thu nhập ngoài lãi Q2/26 tăng mạnh, khoảng 80% svck, chủ yếu nhờ lãi thuần dịch vụ và thu nhập khác tăng lần lượt khoảng 160% và 79% svck, bù đắp cho mức giảm của hoạt động kinh doanh ngoại hối.
    - **VPBankS** tiếp tục tăng trưởng ở các mảng cốt lõi gồm cho vay margin, tư vấn bảo lãnh, và đầu tư trái phiếu. Dư nợ margin tăng khoảng 12% so với đầu năm, thị phần môi giới HOSE tăng lên khoảng 3.57%, xếp thứ 8 thị trường; số lượng khách hàng tăng 28.4%, trong đó khách hàng active tăng khoảng 40%. Mảng IB/DCM tăng trưởng tốt, nhờ nhu cầu phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn lớn và lợi thế về vốn, funding và mạng lưới phân phối.
    - OPES ghi nhận doanh thu bảo hiểm gốc khoảng 2,730 tỷ đồng, tăng 24.9% svck.
    - **FE Credit** vẫn phục hồi chậm hơn kỳ vọng do tiêu dùng cá nhân còn yếu và môi trường lãi suất cao, dù tín dụng đã tăng hơn 5% trong 6T26. Thu nhập từ thu hồi nợ hợp nhất tăng 26% svck, với FE Credit đóng góp gần 40%.
    - **GPBank** chưa hợp nhất vào kết quả tập đoàn, nhưng ghi nhận LNTT gần 730 tỷ đồng trong 6T26, vượt kế hoạch 6 tháng và có khả năng vượt kế hoạch cả năm.
- Về chất lượng tài sản, dù quy mô tín dụng tăng mạnh, NPL hợp nhất giảm về 2.79%, giảm khoảng 15 - 16 điểm cơ bản QoQ. Nợ nhóm 2 có tăng nhẹ do ảnh hưởng của môi trường lãi suất cao, đặc biệt ở phân khúc bán lẻ, nhưng nhìn chung vẫn trong tầm kiểm soát. Chi phí dự phòng Q2/26 tăng 33.7% svck do quy mô dư nợ và nợ xấu tuyệt đối tăng, tuy nhiên chi phí tín dụng giảm 16 điểm cơ bản svck, cho thấy áp lực chất lượng tài sản chưa gia tăng tương ứng với tốc độ mở rộng tín dụng.

1. Triển vọng vĩ mô và tác động đến ngành ngân hàng

Ban lãnh đạo đánh giá tăng trưởng kinh tế 6T26 chủ yếu được dẫn dắt bởi đầu tư, đặc biệt là đầu tư công. Giải ngân đầu tư công tăng khoảng 33% svck, tập trung vào các dự án hạ tầng lớn như cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Vành đai 4 Hà Nội, Vành đai 3 TP.HCM và các tuyến metro tại Hà Nội, TP.HCM. Điều này hỗ trợ các ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, vận tải và tạo hiệu ứng lan tỏa đến nhu cầu tín dụng của khu vực tư nhân. Tuy nhiên, đầu tư tư nhân và tiêu dùng vẫn phục hồi chậm hơn, trong khi thâm hụt thương mại tăng do nhập khẩu năng lượng, vật liệu xây dựng và linh kiện điện tử tăng mạnh. Ban lãnh đạo cho rằng đây chủ yếu là yếu tố ngắn hạn và có thể cải thiện trong 2H26 khi chu kỳ nhập khẩu - xuất khẩu cân bằng hơn.

2. Thanh khoản thị trường, huy động và chi phí vốn

VPB cho rằng thanh khoản hệ thống có dấu hiệu cải thiện so với giai đoạn căng thẳng trước đó, khi mặt bằng lãi suất tiền gửi duy trì ở vùng cao đã kéo dòng tiền quay trở lại hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, lãi suất thị trường 1 vẫn khó giảm nhanh do nhiều ngân hàng cần củng cố nguồn vốn khách hàng sau giai đoạn tín dụng tăng nhanh hơn huy động. Bên cạnh đó, các yêu cầu mới liên quan đến Basel III, LCR và NSFR cũng khiến nguồn vốn khách hàng ổn định trở thành yếu tố quan trọng hơn trong quản trị thanh khoản.

Đối với VPB, ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tiền gửi khách hàng cả năm trên 35%, trong đó 2H26 cần tăng nhanh hơn 1H26. Các giải pháp chính gồm đẩy mạnh chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, tăng huy động qua kênh số, partnership và mở rộng nguồn vốn quốc tế. Sau khoản vay hợp vốn offshore 1.44 tỷ USD trong 1H26, VPB còn kế hoạch huy động thêm khoảng 1.0-1.2 tỷ USD trong 2H26 để bổ sung nguồn vốn trung dài hạn, hỗ trợ LDR và các chỉ tiêu thanh khoản.

3. NIM và triển vọng lãi suất

Ban lãnh đạo kỳ vọng NIM ngân hàng riêng lẻ trong 2H26 duy trì quanh mức 4.3% - 4.5%. Mặc dù chi phí vốn vẫn ở vùng cao do lãi suất huy động thị trường 1 neo cao và chi phí swap từ các khoản vay quốc tế còn lớn, áp lực có thể giảm dần về cuối năm nếu lãi suất huy động hạ nhiệt và thị trường swap thuận lợi hơn. Để bảo vệ NIM, VPB sẽ tiếp tục rà soát pricing thận trọng, tối ưu cơ cấu tài sản sinh lãi, kiểm soát các chương trình ưu đãi và quản trị chất lượng tín dụng theo từng phân khúc rủi ro. Ngân hàng cũng cho rằng lãi suất huy động có thể đã gần vùng đỉnh, nhưng tốc độ giảm sẽ chậm do nhu cầu vốn của nền kinh tế và áp lực cạnh tranh huy động vẫn hiện hữu.

4. CASA, hộ kinh doanh và chiến lược khai thác khách hàng

CASA chịu áp lực khi khách hàng có xu hướng dịch chuyển sang tiền gửi kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các sản phẩm đầu tư có lợi tức cao hơn. Để ổn định nguồn vốn giá rẻ, VPB tập trung tăng tần suất giao dịch của khách hàng thông qua các giải pháp thanh toán như Pay by Account trên Apple Pay, tài khoản thanh toán cho hộ kinh doanh và ứng dụng Shop Thịnh Vượng.

Phân khúc hộ kinh doanh là một trọng tâm của VPB trong 2026. Chủ trương minh bạch hóa hoạt động kinh doanh của Nhà nước tạo điều kiện để ngân hàng

tiếp cận nhanh nhóm khách hàng này. Trong 6T26, VPB thu hút thêm khoảng 500 nghìn khách hàng hộ kinh doanh, nâng tổng số khách hàng phân khúc này lên khoảng 1.2 triệu. Đây là nguồn khách hàng tiềm năng để VPB phát triển CASA, cho vay sản xuất kinh doanh, tín chấp và các sản phẩm quản lý dòng tiền.

5. Tín dụng bán lẻ và chất lượng tài sản

Ban lãnh đạo đánh giá tín dụng bán lẻ của VPB phục hồi tích cực hơn trung bình ngành, dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn tín dụng doanh nghiệp do nền dư nợ lớn. Cho vay mua nhà vẫn là cấu phần lớn nhất nhưng được triển khai thận trọng, tập trung vào nhu cầu ở thực trong bối cảnh thanh khoản thị trường bất động sản chưa phục hồi hoàn toàn. Cho vay ô tô tăng khoảng 16% so với đầu năm, cho vay sản xuất kinh doanh tăng khoảng 17% so với đầu năm, trong khi giải ngân cho vay tín chấp tăng hơn 40% trong 6T26.

VPB cho rằng tăng trưởng tín chấp có thể bền vững nhờ hai yếu tố: (i) hệ thống chấm điểm và phê duyệt tín dụng đã được nâng cấp nhiều lần, sử dụng nhiều nguồn dữ liệu để nhận diện khách hàng tốt hơn; và (ii) năng lực thu hồi nợ mạnh, giúp ngân hàng kiểm soát tổn thất khi mở rộng danh mục. Các nhóm mass affluent, upper mass và hộ kinh doanh sẽ tiếp tục là trọng tâm trong chiến lược bán lẻ.

6. Bất động sản, hạ tầng và các dự án trọng điểm quốc gia

VPB duy trì khẩu vị chọn lọc đối với bất động sản, dựa trên năm yếu tố: đúng chủ đầu tư, đúng địa bàn, đúng phân khúc khách hàng, đúng dự án và đúng khách hàng cuối. Dư nợ bất động sản tăng trong Q2/26 nhưng tập trung vào các dự án chất lượng tại Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng và Hưng Yên. Ngân hàng ưu tiên các phân khúc có nhu cầu thực và được hỗ trợ bởi xu hướng dài hạn như bất động sản khu công nghiệp và nhà ở xã hội, dù quy mô hiện vẫn còn khiêm tốn.

Đối với 18 dự án trọng điểm quốc gia được loại khỏi hạn mức tín dụng, VPB hiện chưa có kế hoạch tài trợ trực tiếp các siêu dự án. Thay vào đó, ngân hàng nhìn thấy cơ hội ở các nhu cầu vốn lưu động, tài trợ nhà thầu, nhà cung cấp, bảo lãnh, thanh toán và quản lý dòng tiền trong chuỗi giá trị xoay quanh các dự án này. Cách tiếp cận này giúp VPB hưởng lợi từ hiệu ứng lan tỏa của đầu tư công nhưng vẫn duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng.

7. FE Credit và khả năng phục hồi tiêu dùng

FE Credit vẫn phục hồi chậm hơn kỳ vọng do tiêu dùng cá nhân còn yếu và môi trường lãi suất cao. Dù tín dụng đã tăng hơn 5% trong 6T26, đóng góp lợi nhuận vẫn còn khiêm tốn. Tuy nhiên, FE Credit tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong thu nhập thu hồi nợ hợp nhất, đóng góp gần 40% tổng thu hồi nợ đã xử lý của tập đoàn.

Ban lãnh đạo kỳ vọng FE Credit có thể đóng góp rõ hơn khi sức mua hộ gia đình phục hồi và mặt bằng lãi suất dịu lại. Trong giai đoạn hiện tại, VPB tiếp tục đầu tư vào năng lực số, decision engine và mô hình quản trị rủi ro của FE Credit để chuẩn bị cho chu kỳ phục hồi tiêu dùng, đồng thời không đánh đổi chất lượng tài sản để tăng trưởng ngắn hạn.

8. VPBankS và chiến lược wealth management

VPBankS tiếp tục là một trong những động lực quan trọng của hệ sinh thái VPB. Trong 6T26, công ty ghi nhận tăng trưởng ở các mảng cốt lõi gồm margin lending, DCM/IB, treasury và đầu tư trái phiếu. Dư nợ margin tăng khoảng 12%, thị phần môi giới HOSE đạt khoảng 3.57%, xếp thứ 8 thị trường (tăng 1 bậc so với đầu năm); số lượng khách hàng tăng 28.4%, trong đó khách hàng active tăng khoảng 40%.

Trong 2H26, ban lãnh đạo kỳ vọng DCM/IB tiếp tục là động lực chính nhờ nhu cầu phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn lớn và pipeline phát hành tích cực. Việc VPB hoàn tất mua 11% cổ phần một công ty quản lý quỹ cũng giúp hoàn thiện chiến lược wealth management cấp tập đoàn, mở rộng sản phẩm từ cổ phiếu, trái phiếu, quỹ đến các giải pháp quản lý tài sản cho khách hàng private banking.

9. An toàn vốn, Basel III, cổ tức và phát hành riêng lẻ

VPB cho biết hồ sơ vốn và thanh khoản vẫn duy trì tốt dù tín dụng tăng nhanh. CAR cao hơn yêu cầu tối thiểu, trong khi tăng trưởng tài sản có rủi ro tín dụng thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng tín dụng, phản ánh sự cải thiện về chất lượng danh mục và kỷ luật quản trị rủi ro. Về Basel III, ngân hàng đánh giá mức độ sẵn sàng đối với LCR và NSFR là vững chắc, dù việc triển khai sẽ yêu cầu thay đổi về dữ liệu, chính sách, quy trình và tư duy quản trị.

Về kế hoạch vốn, cổ tức cổ phiếu dự kiến hoàn tất vào cuối Q3/26 - đầu Q4/26, tùy thuộc phê duyệt cần thiết. Kế hoạch phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài vẫn đang trong quá trình đàm phán tích cực và là một phần quan trọng trong chiến lược tăng vốn nhằm chuẩn bị cho tăng trưởng trung hạn.

10. Định hướng chung cho 2H26

Ban lãnh đạo duy trì quan điểm lạc quan nhưng thận trọng cho 2H26. VPB tiếp tục hướng tới tăng trưởng tín dụng ngân hàng mẹ trên 30%, đồng thời ưu tiên mở rộng funding, bảo vệ NIM và kiểm soát chất lượng tài sản. Các động lực chính trong nửa cuối năm gồm tín dụng doanh nghiệp/SME, hộ kinh doanh, bán lẻ có dữ liệu tốt, VPBankS, OPES và khả năng phục hồi từng bước của FE Credit khi lãi suất hạ nhiệt.

Báo cáo tài chính

KQKD	31/12/2025	31/12/2026	31/12/2027
Thu nhập lãi	101,259	151,058	211,258
Chi phí lãi	(42,596)	(75,243)	(112,987)
Thu nhập lãi thuần	**58,663**	**75,815**	**98,271**
Thu nhập ngoài lãi	**15,991**	**18,922**	**23,308**
Tổng lợi nhuận hoạt động	**74,654**	**94,737**	**121,580**
Tổng chi phí hoạt động	(18,630)	(23,167)	(30,230)
LN trước dự phòng	**56,024**	**71,569**	**91,350**
Tổng trích lập dự phòng	(25,399)	(29,935)	(39,022)
LN hoạt động sau trích lập	**30,625**	**41,634**	**52,327**
Lợi nhuận sau thuế	**24,355**	**33,307**	**41,862**
Lợi ích cổ đông thiểu số	12,372	12,002	11,626
LN chia cho cổ đông hiện hữu	**23,990**	**32,937**	**41,486**

Cân đối kế toán	31/12/2025	31/12/2026	31/12/2027
Tổng cho vay khách hàng	**1,130,131**	**1,516,414**	**2,027,199**
Tổng các khoản mục chứng khoán	88,595	107,139	128,716
Tổng dự phòng	(17,630)	(24,621)	(34,151)
Tổng tài sản sinh lãi ròng	**1,214,666**	**1,615,113**	**2,142,633**
Tổng tài sản không sinh lãi	44,132	58,723	77,957
Tổng tài sản	**1,260,150**	**1,676,941**	**2,221,148**
Tiền gửi của khách hàng	628,045	863,561	1,167,103
Tiền gửi và vay các TCTD khác	295,200	361,162	480,520
Tổng nợ phải trả	**1,079,874**	**1,464,098**	**1,967,195**
Vốn điều lệ	79,339	79,339	79,339
Lợi nhuận chưa phân phối	45,970	72,978	106,997
Vốn chủ sở hữu	**180,276**	**212,843**	**253,953**
Lợi ích cổ đông thiểu số	12,372	12,002	11,626
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	**1,260,150**	**1,676,941**	**2,221,148**

Chỉ số tài chính	31/12/2025	31/12/2026	31/12/2027
Tăng trưởng tiền gửi	29.3%	37.5%	35.2%
Tăng trưởng cho vay KH	35.4%	35.2%	35.3%
Tăng trưởng tổng tài sản	36.4%	33.1%	32.5%
Tăng trưởng thu nhập lãi ròng	19.5%	29.2%	29.6%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	21.4%	18.3%	23.2%
Tăng trưởng LN ròng	52.0%	37.3%	26.0%
Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR)	92.1%	91.9%	92.5%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	5.5%	5.3%	5.1%
Chi phí hoạt động/thu nhập (CIR)	25.0%	24.5%	24.9%
Chi phí tín dụng cho vay KH	3.1%	2.7%	2.6%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	3.3%	3.2%	3.2%
Tổng dự phòng/nợ xấu (LLR)	55.1%	58.8%	61.6%
ROAE	14.9%	16.9%	17.9%
ROAA	2.2%	2.3%	2.1%
EPS	3,024	4,151	5,229
Giá trị sổ sách/cp	21,163	25,314	30,543
P/B	1.16	0.97	0.81

Nguồn: VPB, MBS Research dự phóng

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CTCP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu
Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng
Nguyễn Tiến Dũng